

Theo số liệu thống kê trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng (TCTD) giảm từ gần 5 % tháng 10 năm 2013 xuống còn 2,6% vào tháng 3 năm 2016 (tỷ lệ nợ xấu này thấp hơn số liệu của CIC). Đây được coi là thành công lớn của hệ thống ngân hàng trong xử lý nợ xấu. Tuy nhiên, trong bài phát biểu tại lễ nhậm chức ngày 26/7/2016, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, nợ xấu cần được tiếp tục xử lý một cách thực chất.

1. Nợ xấu của TCTD và nợ xấu của nền kinh tế

TCTD cho khách hàng vay; khi các khoản cho vay này khó thu hồi thì TCTD coi là nợ xấu.

Khoản cho vay này hình thành nên tài sản của khách hàng: đất đai, máy móc, nguyên liệu, sản phẩm... Vì nhiều lý do, các tài sản này trở nên xấu (không bán được, phải giảm giá, thua lỗ,...) và không tạo nên được dòng tiền trả nợ TCTD. Như vậy, bản chất của nợ xấu nằm ở doanh nghiệp dù rằng “tính chất xấu” có thể được xác định không hoàn toàn giống nhau giữa 2 chủ thể.

TCTD phải gánh nợ xấu thường xuyên ở mức “có thể chịu được”. Trong điều kiện kinh tế suy thoái, thị trường bất động sản và chứng khoán suy yếu... người vay gặp nhiều khó khăn, không/hoặc chưa trả nợ được, làm gia tăng nợ xấu lên mức nguy hiểm. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến 21/3/2012 đã có trên 2.200 doanh nghiệp đã làm thủ tục giải thể và khoảng trên 9.700 doanh

BÀN THÊM VỀ XỬ LÝ NỢ XẤU

PGS., TS. Phan Thị Thu Hà *
Phạm Thị Bích Duyên **

ng nghiệp đăng ký ngừng hoạt động có thời hạn hoặc dừng thực hiện các nghĩa vụ thuế. Như vậy, số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể, tạm ngừng hoạt động tăng khoảng 6% so với cùng kỳ năm trước. Riêng số doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể tăng 57%.¹ Đây là lý do giai đoạn 2012 - 2014, nợ xấu của hệ thống TCTD Việt Nam tăng cao, gần 5% vào cuối 2012², một số ngân hàng lên tới gần 10%. (Biểu đồ 1)

Một số phân tích cho rằng, tỷ lệ nợ xấu của TCTD Việt Nam giai đoạn 2012 – 2014 cao hơn so với báo cáo của TCTD. Theo báo cáo của các TCTD, tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống đã giảm từ 4,93% cuối tháng 9/2012 xuống còn 3,25% cuối 2014. Còn theo kênh đánh giá giám sát chặt chẽ hơn của NHNN, nợ xấu từ 17,21% tháng 9/2012 giảm xuống còn 4,83% cuối 2014 (tương đương với khoảng 214.900 tỷ đồng).³ Trước phản ứng của dư luận về sự chênh lệch trong số liệu nợ xấu, NHNN đã thực hiện nhiều biện pháp giải quyết. NHNN cũng khẳng định, từ tháng 3/2015, số liệu nợ xấu phản ánh

chính xác hơn về chất lượng tín dụng của các TCTD, không còn khác biệt nhiều giữa số liệu TCTD báo cáo và số liệu giám sát của NHNN⁴.

TCTD Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp xử lý nợ xấu một cách quyết liệt nhằm thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012. Kết quả là nợ xấu của hệ thống TCTD đã xuống còn 2,6% vào tháng 3/2016.

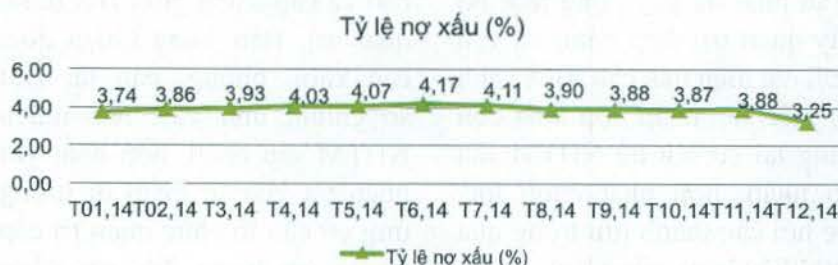
Một số ý kiến cho rằng, nợ bán cho Công ty Quản lý tài sản các TCTD Việt Nam (VAMC) chưa phải là đã được xử lý một cách triệt để.

2. Xử lý nợ xấu

Xử lý nợ xấu thực chất, phải là qua các biện pháp tác động tới khách hàng vay, những doanh nghiệp, cá nhân và các tổ chức khác trong nền kinh tế, nhằm khôi phục lại hoạt động, từ đó có thu nhập để trả nợ.

Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh cho biết, từ năm 2012 đến hết tháng 8/2015,

Biểu đồ 1: Tỷ lệ nợ xấu trong năm 2014



* ĐH KTQD
** ĐH Qui Nhơn

(Nguồn: NHNN, số liệu báo cáo của các TCTD theo Thông tư 31, Tài liệu phục vụ Hội nghị Báo cáo viên toàn quốc tháng 04/2015)

hệ thống ngân hàng đã xử lý được 424,14 nghìn tỷ đồng nợ xấu (tương đương 91,2% tổng số nợ xấu ước tính tại thời điểm tháng 9/2012). Trong đó, xử lý nợ xấu qua VAMC chiếm 41,3%. Còn lại do các TCTD tự xử lý bằng nhiều biện pháp khác nhau như đôn đốc khách hàng trả nợ, sử dụng dự phòng rủi ro, phát mại tài sản đảm bảo, chuyển nợ thành vốn góp. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu từ mức 4,93% vào thời điểm tháng 9/2012 đến tháng 8/2015 chỉ còn 3,21%. “Dự kiến tỷ lệ nợ xấu vào cuối năm 2015 sẽ ở mức dưới 3% theo đúng mục tiêu đã đề ra”, Phó Thống đốc NHNN khẳng định.⁵

Các giải pháp xử lý nợ xấu đã được Đảng và Chính phủ đặt ra. NHNN và mỗi TCTD đều có biện pháp cụ thể để “kéo” tỷ lệ nợ xấu xuống dưới ngưỡng. Cùng với đó là các biện pháp cơ cấu DNNN, cơ cấu thị trường BĐS để xử lý nợ xấu của nền kinh tế. Nhiều phân tích tập trung đánh giá quá trình xử lý nợ xấu để thấy khía cạnh thành công, và điều chỉnh các biện pháp chưa hiệu quả.

Cách thức TCTD xử lý nợ xấu

Nhiều ý kiến cho rằng, xử lý nợ xấu được hiểu là các biện pháp làm giảm nợ xấu, từ đó làm giảm tỷ lệ nợ xấu. Hiện nay, TCTD đang áp dụng những cách thức sau:

- Đòi nợ khách hàng
- Bán TSDB của khách hàng, hoặc đòi người bảo lãnh
- Khởi kiện khách hàng, phát mại doanh nghiệp
- Xử lý bằng dự phòng
- Bán nợ

Đòi nợ khách hàng là biện pháp thường xuyên, phổ biến nhất và được đánh giá cao, gắn với quá trình phục hồi doanh lợi

của khách hàng. Nợ xấu của TCTD giảm gắn liền với nợ xấu của nền kinh tế giảm.

Biện pháp bán TSDB, khởi kiện khách được áp dụng khi khả năng trả nợ từ hoạt động kinh doanh, hoặc từ thu nhập của khách hàng suy giảm mạnh, hoặc không còn, các biện pháp khôi phục hoạt động của khách hàng là tốn kém chi phí, thời gian dài. Biện pháp này giúp TCTD thu được nợ (xử lý nợ xấu), xong thường không gắn với quá trình phục hồi của khách hàng.

Trong bài viết này, người viết xin trao đổi về 2 biện pháp: Xử lý bằng dự phòng và Bán nợ

3. Sử dụng dự phòng

Các TCTD đều trích lập dự phòng, đây là dự phòng tổn thất. Trong hàng ngàn khoản cho vay, sẽ có khoản không thu được, và TCTD đều ước lượng tổn thất này, đưa vào chi phí, coi như khoản chi phí trích trước. Cùng với chi phí huy động vốn, chi phí khấu hao, tiền công,... dự phòng tổn thất tạo nên giá vốn hàng bán, tức là lãi suất cho vay và phí dịch vụ của TCTD. Do vậy, ước lượng đúng tổn thất sẽ dẫn đến xác định đúng chi phí kinh doanh.

$$\text{Chi phí kinh doanh} = \text{Chi phí huy động} + \text{Chi phí quản lý} + \text{Chi phí khấu hao} + \text{Dự phòng tổn thất phải trích}$$

Trong kinh doanh, khi khoản cho vay bị coi là khó thu hồi ở mức độ nào đó, TCTD phải coi đó là tài sản “bị mất”. Nợ xấu nhóm 5 sau một thời gian nhất định phải bị coi là “không thể thu hồi” vào thời điểm đó và phải bị loại khỏi tài sản nội bảng của TCTD khi lên cân đối. Tác nghiệp này để đảm bảo xác định đúng tổng tài sản nội bảng cũng như tính chất của các khoản tín dụng là phải thu hồi được gốc và lãi.

Ví dụ, TCTD có khoản nợ nhóm 3, nếu sau một thời gian không đòi được, sẽ bị chuyển sang nhóm 4, rồi nhóm 5, và sau đó, ra ngoại bảng. Việc nợ nhóm 5 chuyển ra ngoại bảng sẽ làm giảm nợ xấu trên sổ sách của TCTD (qui định của NHNN nợ xấu tính từ nợ nhóm 3 - 5), và giảm cả tỷ lệ nợ xấu. Quá trình này, về bản chất, không liên quan tới dự phòng, không phải vì có dự phòng hay không, nợ nhóm 5 mới chuyển ra ngoại bảng.

Giả sử TCTD không có dự phòng/hoặc không đủ dự phòng, việc chuyển nợ nhóm 5 ra ngoại bảng (tài sản bị coi là tổn thất) sẽ làm giảm lợi nhuận tích lũy, và sau đó, sẽ làm giảm vốn cổ phần. Nếu TCTD có đủ dự phòng, nghiệp vụ trên sẽ làm giảm dự phòng, và vốn chủ sở hữu sẽ được bảo toàn.

Ví dụ minh họa:

Bản cân đối của TCTD như sau:

Tín dụng	100	Tiền gửi của khách hàng	100
Tài sản khác	20	Vốn điều lệ	18
		Lợi nhuận giữ lại	2

Nếu nợ nhóm 5 - coi như mất vốn, là 3 đơn vị, phải chuyển ra ngoại bảng

Bản cân đối của TCTD sau khi chuyển nợ ra ngoại bảng

Tín dụng	100 - 3 = 97	Tiền gửi của khách hàng	100
Tài sản khác	20	Vốn điều lệ	18 - 1 = 17
		Lợi nhuận	2 - 2 = 0

Nợ xấu ngoại bảng: 3

Trong trường hợp này vốn chủ sở hữu bị giảm 3 đơn vị

Bản cân đối trong trường hợp TCTD có dự phòng

Tín dụng	104	Tiền gửi của khách hàng	100
Dự phòng	(4)	Vốn điều lệ	18
Tài sản khác	20	Lợi nhuận	2

Nếu nợ nhóm 5 - coi như mất vốn, là 3 đơn vị, phải chuyển ra ngoại bảng

Bản cân đối của TCTD sau khi chuyển nợ ra ngoại bảng

Tín dụng	$104 - 3 = 101$	Tiền gửi của khách hàng	100
Dự phòng	$(4 - 3 = 1)$	Vốn điều lệ	18
Tài sản khác	20	Lợi nhuận	2

Nợ xấu ngoại bảng: 3

Trong trường hợp này, vốn chủ sở hữu được bảo toàn

Trên thực tế, các TCTD phải tìm mọi cách để bảo toàn vốn chủ sở hữu, hơn nữa phải có lợi nhuận đủ lớn để chia cổ tức, hoặc lương, thưởng cao. Do vậy, khi gặp phải các cú sốc khủng hoảng, hoặc đầu tư vào danh mục tín dụng rủi ro cao, không tính đúng tổn thất, hoặc nếu tính đúng thì sẽ thua lỗ, hoặc cổ tình không tính đúng để lợi nhuận cao... TCTD đành phải “bung bít” khoản nợ không thể thu hồi, không thực hiện chuyển nợ ra ngoại bảng. Đến lúc, nợ xấu dồn cục, tăng cao, khi phải chuyển ra ngoại bảng, sẽ làm giảm vốn điều lệ, gây mất an toàn cho mỗi ngân hàng và cả hệ thống.

Việc chuyển nợ nhóm 5 ra ngoại bảng, thực chất là chuyển nợ xấu thành tổn thất, đơn thuần là quá trình hạch toán để phản ánh đúng tính chất của tài sản: tài sản tốt – tài sản hỏng – tài sản bị mất.

Nhiều TCTD có chính sách không cho vay tiếp nếu khách hàng có nợ xấu, vì khách hàng đang có rủi ro. Khi ngân hàng chuyển nợ xấu ra ngoại bảng, về con số mà nói thì nợ xấu của khách hàng này còn bằng không. Tuy nhiên, rủi ro của khách hàng này không vì thế mà giảm đi - hàng vẫn không bán được, lợi nhuận vẫn âm,... Như vậy, toàn bộ tính chất “xấu” của khoản nợ này từ phía khách hàng vẫn không giảm khi hợp đồng tín dụng chưa được tắt toán.

Có tài liệu viết về xử lý nợ xấu cho rằng, các TCTD phải tự xử lý bằng quỹ dự phòng, và nếu cho rằng trích dự phòng không đủ thì sẽ không tự xử lý được, thì cần có những đánh giá cho đầy đủ hơn. Do đó, chúng tôi cho rằng:

Thứ nhất, hệ thống quản trị của TCTD cần xác định rõ tính chất nợ xấu phải chuyển ngoại bảng bất kể dự phòng là bao nhiêu. Mục tiêu của qui định này không phải để giảm nợ xấu mà để xác định đúng tổn thất tại mỗi thời điểm nhất định. Khi có qui định này, TCTD sẽ phải có chính sách ước tính tổn thất để xác định dự phòng phù hợp.

Thứ hai, không coi việc chuyển nợ xấu ra ngoại bảng là xử lý nợ xấu để tránh hiểu nhầm. Giả sử tỷ lệ nợ xấu là 4%, TCTD chuyển nợ nhóm 5 ra ngoại bảng, thì tỷ lệ nợ xấu còn 3%. Toàn bộ tổn thất tín dụng 1% (do 1 nhóm khách hàng gây ra) sẽ được tính vào lãi suất cho vay và phí suất, và toàn bộ khách hàng của TCTD phải chịu, hoặc nhân viên ngân hàng chịu, sau đó mới đến cổ đông. Vì vậy, việc chuyển nợ xấu ra ngoại bảng chưa phải là nợ xấu đã được xử lý dứt điểm.

Thứ ba, trích dự phòng. Nếu TCTD không áp dụng Basel 2 sẽ phải trích dự phòng theo phân loại nợ của CIC. Đây là cơ sở để xác định đúng lợi nhuận của tổ chức, đồng thời góp phần đảm bảo an toàn vốn trong trường hợp TCTD gặp các cú sốc trong kinh doanh.

4. Bán nợ cho VAMC

Một số nước, trong đó có Việt Nam, tổ chức công ty mua bán nợ quốc gia để xử lý nợ xấu của nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng trong các cuộc khủng hoảng. Một số nước sử dụng các gói hỗ trợ của Chính phủ. Đây là các giải pháp của Chính phủ giải cứu cho hệ thống tránh khỏi sụp đổ/phá sản trên diện rộng. Đối tượng hỗ trợ là các định chế tài chính và phía sau đó là các DNNN, các tập đoàn lớn có các khoản vay không trả được đúng hạn.

Cách thức vận hành: Chính phủ bỏ tiền mua lại khoản nợ xấu của các TCTD và sau đó, tìm cách xử lý nợ xấu này để thu hồi (ví dụ như cơ cấu lại doanh nghiệp, bán doanh nghiệp, hoặc tài sản của doanh nghiệp...). Như vậy, có 2 qui trình xử lý nợ xấu nối tiếp nhau: (i) TCTD bán nợ xấu cho Công ty mua bán nợ và (ii) Công ty mua bán nợ xử lý nợ xấu. Nhiều phân tích cho rằng, khi bán nợ xấu (nợ xấu giảm) và thu được tiền về (dù chỉ là một phần của khoản nợ) thì mục tiêu xử lý nợ xấu của TCTD đã đạt được. Và TCTD phải cố gắng bán sao cho phần thu về là lớn nhất có thể. Tuy nhiên, nợ xấu lại chuyển sang vai của Công ty mua bán nợ và thực chất quá trình xử lý nợ xấu được diễn ra tại đây. Do vậy, đứng trên góc độ một TCTD, thì việc bán nợ xong tức là xử lý xong, nhưng

nếu đứng trên giác độ của nền kinh tế thì chỉ khi nào VAMC thu được tiền về mới coi là xử lý được nợ xấu triệt để.

Trong thời gian qua, việc TCTD bán nợ cho VAMC có nhiều điểm đặc biệt:

(i) Việc thay nợ xấu thành trái phiếu đặc biệt. TCTD nắm giữ các loại tài sản nhằm mục tiêu sinh lời hoặc để đảm bảo thanh khoản (trừ TSCĐ). Trái phiếu đặc biệt không sinh lời, không được chuyển nhượng, (và nếu không được chuyển thành tiền bằng chiết khấu tại NHNN) thì nó cũng giống nợ xấu nhóm 3 (trích dự phòng 20%). Cái mà TCTD được là nợ xấu trên báo cáo tài chính giảm và không phải chuyển nợ ra ngoại bảng, vì vậy, không ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu khi mà dự phòng còn thấp, (ii) Khoản nợ xấu được bán với giá gốc: nợ xấu đương nhiên phải bị giảm giá. Song, do chưa có thị trường mua bán nợ, chưa có tổ chức định giá, bản thân VAMC cũng chưa định giá được... nên mới có chuyện hàng xấu bán với giá gốc. Điều này giúp cho tổng tài sản nội bảng của TCTD không bị giảm, vì vậy, không làm giảm vốn chủ sở hữu.

Việc tổ chức VAMC và thiết kế cách bán nợ của TCTD cho VAMC là biện pháp giải cứu hệ thống ngân hàng Việt Nam rất hiệu quả khi mà Ngân sách Nhà nước đã không có tiền để mua nợ xấu của TCTD.

Vai trò của VAMC về hỗ trợ các ngân hàng trong khủng hoảng là rất rõ, là thành công lớn về chính sách. Tuy nhiên, để tổ chức này xử lý nợ xấu một cách thực chất thì cần cơ chế cụ thể.

Ý kiến cho rằng, nợ xấu tại VAMC vẫn là nợ xấu của nền kinh tế. PGS., TS. Trần Hoàng Ngân lưu ý: VAMC không phải

là đơn vị sinh ra để xử lý toàn diện nợ xấu. “Về bản chất, VAMC là người giữ hộ nợ xấu. Còn các ngân hàng mới là người phải đi xử lý nợ”⁶.

Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia đã đề xuất lên Chính phủ, theo đó, phải dùng một phần nguồn tiền của Nhà nước. Tiền Nhà nước ở đây không lấy từ ngân sách, mà là tiền tạm thời chưa sử dụng đến của NHNN. VAMC hoặc một tổ chức nào đó mua nợ thực sự theo giá thị trường. Nếu cứ tiếp tục mua nợ theo giá trị sổ sách, rồi khoanh lại đây, thì không giải quyết được gì.

Theo ông Đỗ Thiên Anh Tuấn, giảng viên Chương trình Giảng dạy kinh tế Fulbright cho rằng: Nguyên tắc là khi khách hàng vay không trả được nợ, ngân hàng với tư cách là chủ nợ cần được trao quyền đầy đủ để có thể xử lý nhanh chóng tài sản đảm bảo để thu hồi nợ mà không bị trở ngại nào⁷.

NHNN vừa ban hành Thông tư 14/2015/TT-NHNN (Thông tư 14) (28/8/2015) cho phép VAMC (i) phát hành trái phiếu (trái phiếu được chuyển nhượng giữa NHNN với các TCTD và giữa các TCTD với nhau) và (ii) quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường. Đây là cơ chế mới tạo điều kiện pháp lý cho VAMC xử lý nợ xấu, đồng thời làm cho quan hệ mua bán nợ xấu của TCTD với VAMC trở nên rõ ràng hơn. Phần nào TCTD thu được tiền sẽ xếp vào nợ xấu đã được bán (xử lý), phần không thu được tiền phải xếp vào tồn thất. Do vậy, chúng tôi cho rằng:

Thứ nhất, việc bán nợ cho VAMC mặc dù làm giảm nợ xấu cho NHTM, và có thể tăng thêm vốn cho vay nếu NHTM được

chiết khấu, tuy nhiên, vẫn chưa thể coi là nợ xấu đã được xử lý một cách triệt để nếu VAMC chưa xử lý được.

Thứ hai, sau khi hệ thống tài chính đã tạm thời ổn định - kết quả rất thành công của quá trình tái cơ cấu - cần xác định trọng tâm xử lý nợ xấu triệt để. Nếu ngân sách không có tiền thì khả năng xử lý của VAMC rất hạn chế. Các TCTD phải được coi là trọng tâm và có trách nhiệm tới cùng trong xử lý nợ xấu: đòi nợ, phát mại TSDB, khởi kiện khách hàng; Nhà nước phát triển thị trường mua bán nợ dựa trên phát triển thị trường hàng hóa như BĐS, tài nguyên, quyền sở hữu...

Thứ ba, cần xem xét hợp nhất VAMC với DATC để thực hiện xử lý nợ theo cơ chế thị trường khi nhiệm vụ giải cứu hệ thống ngân hàng trong giai đoạn khủng hoảng của VAMC đã hoàn thành. ■

¹ Báo Dân trí

² Số liệu thống kê của NHNN do các TCTD báo cáo

³ Minh Đức VnEconomy 1/6/2015: Một cách đầy đủ, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống các TCTD đã giảm từ 17,21% xuống còn 4,83%.

⁴ Minh Đức VnEconomy 1/6/2015

⁵ Theo Báo Giao Thông

⁶ Theo Tiến Phong

⁷ Theo Đất Việt

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. NHNNVN, TÌNH HÌNH NỢ XẤU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ XỬ LÝ NỢ XẤU TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG Hội nghị Báo cáo viên toàn quốc tháng 04/2015.

2. NHNN, Thông tư 14/2015/TT-NHNN (Thông tư 14).

3. NHNN, Quyết định số 618/QĐ-NHNN phê duyệt việc xây dựng và triển khai phương án mua nợ xấu theo giá thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC).

4. Nguồn: vi.wiktionary.org

5. Minh Đức, VnEconomy, Nợ xấu giảm nhanh, thực hay không?

6. Phan Thị Thu Hà, Xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, kỷ yếu Hội thảo quốc tế do BIDV tổ chức 8/2013.

7. Thời báo: Tiến Phong, Giao thông, Kinh tế Sài Gòn, Vietstock, Báo Đầu tư, Dân trí, An ninh tiền tệ và truyền thông, Đất Việt.